

Số: *19* /2020/NQ-HĐND

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày *13* tháng 12 năm 2020

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU  
KHÓA VI, KỲ HỌP THỨ MƯỜI CHÍN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;*

*Căn cứ Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT ngày 20 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;*

*Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Xét Tờ trình số 231/TTr-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định mức thu phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Báo cáo thẩm tra số 191/BC-KTNS ngày 01 tháng 12 năm 2020 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bao gồm cấp, cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận và chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp) trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

## 2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với người nộp, tổ chức thu phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bao gồm cấp, cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận và chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp) và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

## **Điều 2. Đối tượng thu phí, miễn nộp phí**

### 1. Đối tượng thu phí

Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bao gồm cấp, cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận và chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp) được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện.

### 2. Đối tượng miễn nộp phí

Hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng, đồng bào dân tộc thiểu số ở các thôn, ấp có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

## **Điều 3. Đơn vị thu phí**

Văn phòng Đăng ký đất đai Tỉnh và Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

## **Điều 4. Nội dung thu, mức thu, trích nộp, quản lý và sử dụng phí**

### 1. Nội dung thu, mức thu phí, lộ trình thu phí

a) Nội dung thu, mức thu phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân: Theo Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này.

b) Nội dung thu, mức thu phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với tổ chức: Theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này.

c) Lộ trình thu phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được thực hiện như sau:

- Năm 2021: Mức thu bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức thu tại Phụ lục I, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này (áp dụng đối với các trường hợp cấp lần đầu, cấp đổi và cấp lại).

- Năm 2022: Mức thu bằng 75% (bảy mươi lăm phần trăm) mức thu tại Phụ lục I, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này (áp dụng đối với các trường hợp cấp lần đầu, cấp đổi và cấp lại).

- Từ năm 2023 trở đi: Áp dụng mức thu bằng 100% (một trăm phần trăm) mức thu tại Phụ lục I, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này.

## 2. Mức trích nộp

Đơn vị thu phí được để lại 100% (Một trăm phần trăm) số tiền phí thu được.

## 3. Quản lý và sử dụng phí

Đơn vị thu phí thực hiện thu, quản lý và sử dụng phí theo các quy định hiện hành.

## **Điều 5. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

## **Điều 6. Điều khoản thi hành**

1. Các nội dung liên quan đến mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quy định tại Nghị quyết số 59/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai; phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và Nghị quyết số 36/2017/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2017 sửa đổi điểm a khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 59/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 và Nghị quyết số 62/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

2. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu Khóa VI, Kỳ họp thứ Mười chín thông qua ngày 13 tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực thi hành từ ngày 23 tháng 12 năm 2020./.

### **Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính;
- Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội;
- TTr Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TTr.HĐND và UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Website HĐND tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Báo Bà Rịa - Vũng Tàu, Đài PT-TH tỉnh;
- Lưu: VT, STNMT, TH.

### **CHỦ TỌA**

**Mai Ngọc Thuận**  
(Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân)

### Phụ lục I

#### Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (dạng riêng lẻ) đối với hộ gia đình, cá nhân

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 19/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)

STT	Loại hồ sơ	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)	
			Khu vực đô thị (1)	Khu vực nông thôn (2)
<b>I</b>	<b>Cấp lần đầu giấy chứng nhận</b>			
1	Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất	Giấy chứng nhận	670.000	560.000
2	Cấp giấy chứng nhận về tài sản	Giấy chứng nhận	730.000	620.000
3	Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất	Giấy chứng nhận	940.000	790.000
<b>II</b>	<b>Cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận</b>			
1	Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất	Giấy chứng nhận	540.000	450.000
2	Cấp giấy chứng nhận về tài sản	Giấy chứng nhận	550.000	460.000
3	Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất	Giấy chứng nhận	760.000	640.000
<b>III</b>	<b>Chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp</b>			
1	Chứng nhận về quyền sử dụng đất	Giấy chứng nhận	340.000	280.000
2	Chứng nhận về tài sản	Giấy chứng nhận	360.000	300.000
3	Chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất	Giấy chứng nhận	430.000	360.000
4	Chứng nhận biến động đối với trường hợp phát hiện có sai sót, nhầm lẫn về nội dung thông tin trong hồ sơ địa chính (đỉnh chính)	Giấy chứng nhận	170.000	150.000

#### **Ghi chú:**

(1) Khu vực đô thị: gồm phường, thị trấn, thị xã thuộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

(2) Khu vực nông thôn: gồm các khu vực còn lại thuộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Trường hợp hồ sơ có nhiều hơn một chủ sử dụng trên cùng thửa đất (phải cấp thêm giấy chứng nhận), thì được miễn thu phí từ giấy chứng nhận thứ hai

## Phụ lục II

### Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (dạng riêng lẻ) đối với tổ chức

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 19 /2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

STT	Danh mục thu phí	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)
<b>I</b>	<b>Cấp lần đầu giấy chứng nhận</b>		
1	Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất	Giấy chứng nhận	1.000.000
2	Cấp giấy chứng nhận về tài sản	Giấy chứng nhận	1.150.000
3	Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất	Giấy chứng nhận	1.550.000
<b>II</b>	<b>Cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận</b>		
1	Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất	Giấy chứng nhận	700.000
2	Cấp giấy chứng nhận về tài sản	Giấy chứng nhận	700.000
3	Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất	Giấy chứng nhận	900.000
<b>III</b>	<b>Chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp</b>		
1	Chứng nhận về quyền sử dụng đất	Giấy chứng nhận	700.000
2	Chứng nhận về tài sản	Giấy chứng nhận	700.000
3	Chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất	Giấy chứng nhận	900.000
4	Chứng nhận biến động đối với trường hợp phát hiện có sai sót, nhầm lẫn về nội dung thông tin trong hồ sơ địa chính (đính chính)	Giấy chứng nhận	300.000

Ghi chú: Trường hợp hồ sơ có nhiều hơn một chủ sử dụng trên cùng thửa đất (phải cấp thêm giấy chứng nhận), thì được miễn thu phí từ giấy chứng nhận thứ hai.